

Số: 1302/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 28 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng
Khu nhà ở công nhân xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỷ lệ 1/500**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 17/2017/QĐ - UBND ngày 9/6/2017 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 202/BC-SXD ngày 21/7/2017, Công ty TNHH FUGIANG tại Tờ trình số 08/CVCD-FUG ngày 03/7/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu nhà ở công nhân xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỷ lệ 1/500 (Kèm theo bản vẽ quy hoạch và thuyết minh), với các nội dung chính như sau:

1. Lý do, sự cần thiết phải điều chỉnh:

Điều chỉnh để thống nhất tên gọi của Đồ án giữa các văn bản pháp lý, phù hợp với nhu cầu thực tế, mục tiêu đầu tư dự án theo quy định tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015, Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ và các văn bản liên quan.

2. Nội dung điều chỉnh:

- Điều chỉnh lại tên đồ án thành: Khu nhà ở xã hội Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỷ lệ 1/500.

- Điều chỉnh lại tên một số loại đất:

+ Đất nhà ở chuyên gia thành đất ở thương mại;

+ Đất nhà ở công nhân cao tầng thành đất nhà ở xã hội cao tầng.

- Điều chỉnh lại cơ cấu sử dụng đất:

+ Các lô nhà ở công nhân cao tầng (NOCN-01) diện tích: 15.377,03m²; (NOCN-02), diện tích: 30.698,81m²; (NOCN-03) diện tích: 31.823,89m² chuyển thành nhà ở xã hội cao tầng (NOXH-01) diện tích: 16.176,92m²; (NOXH-02) diện tích: 30.829,98m²; (NOXH-03) diện tích: 42.211,69m²;

+ Các lô đất nhà ở chuyên gia thấp tầng (CGTT-A) diện tích: 10.845,67m²; (CGTT-B) diện tích 4964,43 m²; (CGTT-C) diện tích 3.594,8 m², chuyển thành nhà ở thương mại loại (NOTM -A) diện tích: 3.165,96m²; nhà ở thương mại loại (NOTM-B) diện tích: 4.948,88m²; nhà ở thương mại loại (NOTM-C) diện tích: 3.572m²;

+ Trạm y tế ký hiệu (YT) diện tích 688,55m² điều chỉnh còn 676,98m²;

+ Nhà văn hóa ký hiệu (NVH) diện tích 2.664,2m² điều chỉnh thành 2.663,72m²;

+ Chợ - Trung tâm thương mại ký hiệu lô (TM) diện tích: 11.922,9 m² điều chỉnh thành: 8.233,17m²;

+ Bỏ sung đất cây xanh ký hiệu (CX-03) diện tích 2.515,07m²;

+ Đất bãi đỗ xe ký hiệu (P-01) diện tích: 3.794,15m² điều chỉnh thành 4.851,37m²; bỏ sung đất bãi đỗ xe ký hiệu (P-03) diện tích 1444,32m², (P-04) diện tích: 643,64m²;

+ Bỏ đất cây xanh ký hiệu (CX-01) diện tích 1.050,24m²;

+ Đất trường học liên cấp ký hiệu (TH) diện tích 8.063,54m² điều chỉnh còn 8.062,39m²;

+ Đất cây xanh ký hiệu (CX-02) diện tích 3.407,74m² điều chỉnh còn 2.030,38m².

Bảng cơ cấu sử dụng đất:

TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH					SAU ĐIỀU CHỈNH			
TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất công cộng		23337,22	13,99	Đất công cộng		19625,74	11,77
	Chợ - Trung tâm thương mại	TM	11922,9		Chợ - Trung tâm thương mại	TM	8233,17	

	mại				mại			
	Nhà văn hóa	NVH	2664,2		Nhà văn hóa	NVH	2663,72	
	Trạm y tế	YT	688,55		Trạm y tế	YT	676,98	
	Trường liên cấp	TH	8061,57		Trường liên cấp	TH	8062,39	
2	Đất nhà ở công nhân cao tầng		77899,73	46,71	Đất nhà ở xã hội cao tầng		89218,59	53,50
2.1	Khu NOCN-01	NOC N-01	15377,03	9,22	Khu NOXH-01	NOXH-01	16176,92	9,70
	Đất xây dựng công trình		4613,11		Đất xây dựng công trình		7279,61	
	Đất đường nội bộ		870,1		Đất đường nội bộ		1793,34	
	Đất TDĐT-vui chơi giải trí		881,65		Đất TDĐT-vui chơi giải trí		697,78	
	Đất vườn hoa		9012,17		Đất vườn hoa		6406,19	
2.2	Khu NOCN-02	NOC N-02	30698,81	18,41	Khu NOXH-02	NOXH-02	30829,98	18,49
	Đất xây dựng công trình		9209,64		Đất xây dựng công trình		9248,99	
	Đất đường nội bộ		1096,98		Đất đường nội bộ		2828,56	
	Đất TDĐT-vui chơi giải trí		2176,06		Đất TDĐT-vui chơi giải trí		1220,78	
	Đất vườn hoa		18216,12		Đất vườn hoa		17531,65	
2.3	Khu NOCN-02	NOC N-03	31823,89	19,08	Khu NOXH-02	NOXH-03	42211,69	25,31
	Đất xây dựng công trình		9547,17		Đất xây dựng công trình		12663,51	
	Đất đường nội bộ		5027,68		Đất đường nội bộ		5000,17	
	Đất TDĐT-vui chơi giải trí		2040,41		Đất TDĐT-vui chơi giải trí		2053,63	
	Đất vườn hoa		15208,63		Đất vườn hoa		24522,01	
3	Đất nhà ở chuyên gia thấp tầng		19404,9	11,64	Đất nhà thương mại thấp tầng		11686,84	7,01
4	Đất cây xanh - mặt nước		16062	9,63	Đất cây xanh - mặt nước		16171,24	9,70
5	Đất giao thông		30075,01	18,03	Đất giao thông		30065,93	18,03
	Tổng cộng		166778,9	100,00	Tổng cộng		166778,9	100,00

3. Các nội dung khác: Theo Báo cáo số 202/BC-SXD ngày 21/7/2017 của Sở Xây dựng và hồ sơ Quy hoạch đã thẩm định.

Điều 2. Công ty TNHH FUGIANG có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Việt Yên, Công ty TNHH FUGIANG và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: //

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PTC UBND tỉnh;
- Phòng QHKT- Sở Xây dựng (Lưu Hồ sơ);
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, TNMT;
 - + Lưu: VT, XD.Linh.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Dương